**Tiết 5+6: ĐI LẤY MẬT**

**(*Đoàn Giỏi*)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- Nêu được những nét chung về tác giả và tác phẩm, nêu được ấn tượng chung về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong đoạn trích

- Nhận biết được tính cách của các nhân vật trong đoạn trích

- Biết lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát đặc điểm tính cách của từng nhân vật;

- HS xác định được đề tài và người kể chuyện;

- Hiểu được cách miêu tả tinh tế, sinh động của tác giả.

***2. Năng lực***

***2.1. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tìm kiếm thông tin, xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.

- Giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để tìm ra đặc điểm của các nhân vật trong truyện

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt.

***2.2. Năng lực đặc thù***

- Xác định được đề tài (thiên nhiên, con người phương Nam) và người kể chuyện (ngôi thứ nhất) [4].

- Nêu được ấn tượng chung về nhà văn Đoàn Giỏi và trích đoạn “Đi lấy mật” [5].

- Tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn [6].

- Nhận biết và phân tích được các chi tiết nói về nhân vật cũng như tính cách của nhân vật trong đoạn trích “Đi lấy mật” [7].

-Lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát đặc điểm, tính cách của từng nhân vật; Nêu được ấn tượng chung về vẻ đẹp của thiên nhiên, con người trong đoạn trích; Hiểu được cách miêu tả tinh tế, sinh động của tác giả. [8].

- Viết được đoạn văn trình bày cảm nhận về một chi tiết thú vị trong đoạn trích [9].

***3. Về phẩm chất***

Thông qua bài học sẽ tạo điều kiện cho học sinh:

*-* Yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- Bồi đắp những cảm xúc thẩm mỹ trước thiên nhiên, con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà văn Đoàn Giỏi và truyện Đất rừng phương Nam, phim, nhạc về phương Nam (<https://nhac.vn/bai-hat/bai-ca-dat-phuong-nam-phi-nhung-so4lW4>)

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV** chiếu video Việt Nam, đi để yêu

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

* GV tiến hành cho HS nghe ca khúc *Bài ca đất phương Nam* (<https://nhac.vn/bai-hat/bai-ca-dat-phuong-nam-phi-nhung-so4lW4>), và một đoạn trong phim *Đất phương Nam.*
* GV khích lệ HS:

1. *Chia sẻ những ấn tượng, cảm xúc từ giai điệu bài nhạc và những hình ảnh trong phim;*
2. *Kể thêm về những miền đất em đã từng đến thăm (ấn tượng về cảnh sắc thiên nhiên, con người và cuộc sống ở nơi đó).*

**GV** kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chiếu video, phát giấy note cho HS

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS xem video, ghi câu trả lời lên giấy note

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** chỉ định HS trả lời câu hỏi.

**HS** Chia sẻ câu trả lời

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

|  |
| --- |
| **🡺GV dẫn vào bài:** Nếu như ở truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi*, chúng ta được trải nghiệm vẻ đẹp kì diệu, sức sống mãnh liệt của thế giới tự nhiên cùng tình cảm đầy yêu thương, nhân hậu của hai anh em Mên và Mon thì bài học hôm nay thầy trò chúng ta sẽ về thăm vùng đất phương Nam qua tác phẩm *Đất rừng phương Nam*, một tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Đoàn Giỏi. Tác phẩm sẽ dẫn chúng ta thăm một vùng đất vô cùng giàu có, hùng vĩ với những rừng tràm bạt ngàn, dòng sông mênh mông, sóng nước rì rầm…nơi đó có những con người bình dị, hào phóng, trung hậu, trí dũng. Trong đó, đoạn trích “*Đi lấy mật*” còn mang đến cho chúng ta một trải nghiệm thú vị về cách lấy mật ong rất đặc biệt ở vùng đất này. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**HĐ 2.1 Đọc – tìm hiểu văn bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. ĐỌC, TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.  **HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS xem video và hoàn thành phiếu học tập về tác giả (GV đã giao về nhà) trên nhóm zalo (hoặc Padlet) và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.  (Phiếu học tập giao về nhà)  ? Trình bày những nét cơ bản về nhà văn Đoàn Giỏi?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ lời thoại của các nhân vật  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ?Nêu xuất xứ và bố cục của văn bản  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời  **HS:** Trả lời các câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)** | | **1. Tác giả**  - Đoàn Giỏi (1925- 1989)  - Quê: Tiền Giang  - Là nhà văn của miền đất phương Nam.  ***- Đề tài:*** Cuộc sống, vẻ đẹp thiên nhiên trù phú và con người chất phác, thuần hậu, can đảm, nghĩa tình ở Nam Bộ.  ***- Phong cách sáng tác:***  +Lối miêu tả vừa hiện thực, vừa trữ tình  + Ngôn ngữ đậm màu sắc địa phương  - Các tác phẩm chính: Đường về gia hương, Cá bống mú, Đất rừng phương Nam  **2. Tác phẩm**  ***a. Thể loại:*** Tiểu thuyết  ***b. Nội dung chính:*** Viết về cuộc đời phiêu bạt của cậu bé tên An. Bối cảnh: Miền Tây Nam Bộ, Việt Nam vào những năm 1945, sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm chiếm Nam Bộ.  ***c. Giá trị***  - Truyện thành công và nổi tiếng viết cho thiếu nhi  - Được dịch ra nhiều tiếng nước ngoài, tái bản nhiều lần, được dựng thành phim  ***3. Văn bản***  ***a. Xuất xứ***  - Nằm ở chương 9, kể về lần An theo tía nuôi và Cò đi lấy mật ong trong rừng U Minh  b. Bố cục: |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **a. Mục tiêu:**  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện.  - Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
|  | | **1. Khám phá hình thức của văn bản** |
|  | | - Đề tài: thiên nhiên, con người phương Nam  - Nhân vật chính: An, Cò, tía nuôi  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất.  **=> Tác dụng:** Bộc lộ chân thực, sinh động cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật An + Hấp dẫn, lôi cuốn người đọc theo bước chân tìm hiểu của An  - Cốt truyện:  + Cốt truyện được sắp xếp theo trình tự thời gian, đan xen mạch hồi tưởng, đan cài các chi tiết đa dạng, phong phú  + Cốt truyện hấp dẫn ở lối kể nhẹ nhàng, qua góc nhìn, cách cảm nhận hồn nhiên của An đi khám phá những điều mới lạ, thú vị của thiên nhiên và con người nơi rừng U Minh. |
| **2. Khám phá nội dung văn bản** | | |
| ***a. Vẻ đẹp của con người phương Nam*** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - *Trong đoạn trích có mấy nhân vật? Em hãy chỉ ra mối quan hệ giữa các nhân vật?*  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2, 3, 4 bằng cách trả lời các câu hỏi trong phiếu. | - Bốn nhân vật trong đoạn trích là: An, Cò, tía nuôi và má nuôi  - Mối quan hệ của bốn nhân vật: An được ông lão bán rắn nhận làm con nuôi, anh em của thằng Cò. An đã được sống cùng với gia đình ba người họ như một gia đình hạnh phúc bình thường. | |
| \* GV gợi ý bằng cách hướng dẫn HS quan sát trích đoạn trong sgk trang 19, 20.  ***Nhân vật tía nuôi (Hoàn thành phiếu học tập số 1)***  ***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 1.  **Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng các câu hỏi bổ sung:  ***Nhân vật Cò (Hoàn thành PHT số 2)***  ***Nhân vật An (Hoàn thành PHT số 3)***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | |  |  | | --- | --- | | **\*Nhân vật tía nuôi** | | |  | **Chi tiết** | | **Ngoại hình** | - Bên hông lủng lẳng chiếc túi, lưng mang gùi, tay cầm chả gạc | | **Cử chỉ, hành động** | - Đi trước, phạt ngang nhánh gai -> dọn đường …  - gác kèo cho ong rừng làm tổ rất giỏi và bảo vệ đàn ong, trân trọng sự sống. | | **Cách cư xử** | - Bảo dừng nghỉ -> ăn cơm -> vì thấy An đã mệt (qua nghe tiếng thở) => thể hiện sự quan tâm, yêu thương dành cho cậu con nuôi  -Kiên nhẫn chỉ cho An cách quan sát đường ong bay trong rừng.  - chú tâm chăm lo cho An hơn Cò vì biết An chưa quen đi rừng | | **Nhận xét** | Một người lao động dày dạn kinh nghiệm, từng trải và can đảm; tính cách mạnh mẽ; giàu lòng nhân hậu, yêu thương con người và thiên nhiên |  |  |  | | --- | --- | | **\*Nhân vật Cò** | | |  | **Chi tiết** | | **Xuất thân** | Là đứa trẻ sinh ra và lớn lên giữa đất rừng Phương Nam, hiểu và gắn bó với thiên nhiên và quê hương | | **Ngoại hình** | - Cặp chân như cặp giò nai lội suốt ngày trong rừng cũng chẳng nhằm nhò gì. | | **Cử chỉ, hành động** | Đội cái thúng to tướng; vênh mặt lên cười khi An không tìm được con ong mật; nắm tay An lôi đi, khoát tay ra hiệu báo An đi thật khẽ; chành môi ra cười khi An không nhớ lời má dặn; lội suốt ngày trong rừng… | | **Lời nói** | - Hỏi An: “Đố mày biết con ong mật là con nào?”  -Giải thích cho An cách quan sát để phát hiện đường ong bay “Bây giờ mày cứ nhìn kĩ vào khoảng trống giữa hai nhánh tràm cao kia. …Nhìn một chỗ trống ấy thôi nhá. Nó tới liền bây giờ.  -Khi An ồ lên vì thấy rất nhiều chim -> Cò: “Thứ chim này đẹp gì… Thứ đổ bỏ. Mày mà gặp “sân chim” thì mày sẽ biết” | | **Nhận xét** | Cò am hiểu về công việc đi rừng, động vật trong rừng; tự tin, nhanh nhẹn, thành thạo. Chứng tỏ Cò là cậu bé sinh ra và lớn lên ở vùng đất rừng phương Nam |  |  |  | | --- | --- | | **\*Nhân vật An** | | |  | **Chi tiết** | | **Xuất thân** | Sinh ra và lớn lên ở thành phố, bị lạc bố mẹ nên phải lưu lạc ở đây, may mắn được tía má cò cưu mang, nhận làm con nuôi | | **Lời nói** | cách xưng hô lễ phép, trong cuộc trò chuyện số là câu hỏi “Sao nó biết cây bày mà gác kèo?”, “Kéo là gì, hở má?”… | | **Hành động** | chen vào giữa,quảy tòn ten một cái gùi bé mà má nuôi tôi đã bơi xuồng đi mượn; Đảo mắt khắp nơi để tìm bầy ong mật; Reo lên khi nhìn thấy bầy chim đẹp; Ngước nhìn tổ ong*,* mắt không rời | | **Suy nghĩ** | Về những lời má nuôi đã dạy mà không có trong sách giáo khoa; suy nghĩ về cách “ăn ong” độc đáo của người dân vùng U Minh | | **Cảm xúc** | Mệt mỏi sau một quãng đường đi; cảm nhận được tình yêu thương của tía má dành cho mình; Vui vẻ reo lên khi thấy được bầy ong mật. | | **Cảm nhận về má, tía nuôi, về Cò** | - Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết…  - Má nuôi tôi vò đầu tôi, cười rất hiền lành.  => An rất yêu quý, luôn nghĩ về họ với những tình cảm gần gũi, thân thuộc, ấm áp.  - Muốn hỏi Cò đủ thứ về rừng U Minh, về cách gác kèo, cách quan sát phát hiện bầy ong, về sân chim…  => có lúc An cảm thấy “ghen tị” vì Cò đi rừng thành thạo, biết nhiều về rừng U Minh; luôn ngạc nhiên, ngưỡng mộ trước sự hiểu biết về rừng U Minh của Cò | | **Suy nghĩ về cách “ăn ong”** | - So sánh cách nuôi ong của ngườ La Mã, người Ai Cập, người Mê Tây Cơ, ở Phi châu, ở xứ Tây Âu… để thấy được sự độc đáo của người dân U Minh trong cách “ăn ong”.  => người ham hiểu biết, thông minh. | | **Nhận xét** | Là một cậu bé nghịch ngợm nhưng lại ham học hỏi và khám phá, có những suy nghĩ, quan sát và rút ra được những bài học kinh nghiệm sâu sắc. |   **Tiểu kết:** chân dung những người con phương Nam vừa gần gũi, bình dị, hồn nhiên, nhân hậu vừa mạnh mẽ, phóng khoáng… | |
| **b. Vẻ đẹp của rừng U Minh** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [8]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về vẻ đẹp của rừng U Minh  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- Hỏi:** Qua cái nhìn của An, thiên nhiên rừng U Minh hiện lên như thế nào?  - Chia nhóm cặp đôi.  - Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **GV**: **Dự kiến KK**: HS  - **Tháo gỡ KK** bằng cách đặt câu hỏi phụ  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định (GV)** | |  |  | | --- | --- | |  | **Chi tiết** | | **Ánh sáng** | - Rừng yên tĩnh, không khí mát lạnh (không khí, sông ngòi, mương rạch, đất ẩm, thảo mộc thở ra từ bình minh.  -Ánh sáng trong vắt, hơi gợn chút óng ánh trên đầu hoa tràm rung rung … cảm giác như là nó bao qua 1 lớp thủy tinh. | | **Âm thanh, mùi hương** | -Rừng cây im lặng quá, một chiếc lá rơi cũng có thể khiến người ta giật mình. Chim chóc chẳng nghe con nào kêu.  -Bóng nắng lên, gió bắt đầu rao rao theo khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất….  -Một làn hơi đất nhè nhẹ tỏa lên …  - Chim hót líu lo  -Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất | | **Cảnh vật** | - Mấy con kỳ nhông nằm phơi mình  -Những loại cây và màu sắc của từng phiến lá  - Hàng ngàn con chim rừng vụt bay lên  - Những loài côn trùng bé nhỏ, kỳ lạ  - Thế giới đầy bí ẩn của loài ong. | | **Nhận xét** | - Rừng U Minh hiện ra với vẻ đẹp kỳ thú, đầy chất thơ, vừa giàu có, hoang sơ  - An là cậu bé có khả năng quan sát tinh tế, có tâm hồn trong sáng biết phát hiện, cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên. | | |
| **III. TỔNG KẾT** | | |
| **Mục tiêu**: [2]; [3]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung và những điều rút ra từ văn bản.  **HS** làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Đi lấy mật”?  ? Sau khi học xong văn bản “Đi lấy mật”, em học tập được điều gì về cách lựa chọn đề tài, về cách kể chuyện và về việc lựa chọn chi tiết của tác giả khi kể chuyện?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **B4: Kết luận, nhận định** | **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại.  - Miêu tả tâm lí nhân vật.  **2. Nội dung**  - Kể về những trải nghiệm đi rừng, cách thuần hóa ong rừng, cách “ăn ong” của người dân U Minh.  **3. Những điều rút ra từ tác phẩm**  *a) Về cách lựa chọn đề tài khi kể*  - Đề tài gần gũi  *b) Về cách kể*  - Ngôn ngữ kể tự nhiên.  *c) Về lựa chọn chi tiết để kể/tả.*  - Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để kể/tả. | |

**Hoạt động 2.2 Viết kết nối với đọc**

**Mục tiêu**:[3]; [8]

**Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích “Đi lấy mật”?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét…

**B4: Kết luận, nhận định (**GV)

- Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

|  |
| --- |
| **Đoạn văn mẫu:**   **VD1:** Trích đoạn “Đi lấy mật” không chỉ kể về chuyến đi rừng, tìm hiểu về cách “ăn ong” của người dân U Minh mà còn miêu tả vẻ đẹp phong phú, sống động của những cánh rừng phương Nam. “*Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng*”. Ba câu văn ngắn nhưng người đọc như được đánh thức các giác quan từ thính giác, thị giác đến khứu giác. Vẻ đẹp hoang sơ, huyền ảo của rừng U Minh khiến An lâng lâng trong cảm giác ngất ngây. Qua đó ta cũng nhận ra tài quan sát tinh tế, khả năng cảm nhận, phát hiện vẻ đẹp đầy chất thơ về rừng U Minh đại ngàn của An.  **VD2: *Trong đoạn trích Đi lấy mật, chi tiết để lại cho em nhiều cảm xúc nhất là chi tiết tía nuôi chỉ nghe tiếng thở đằng sau lưng là biết An đang mệt. Đây không chỉ là kinh nghiệm của người nhiều năm đi rừng mà đó còn là trái tim yêu thương mà tía nuôi dành cho An. Có lẽ người cha ấy không phân biệt con ruột hay con nuôi mà thương yêu An, Cò như nhau. Điều đó đã sưởi ấp trái tim, xoa dịu những đau buồn của An. Chỉ một chi tiết nhỏ cũng giúp em hiểu thêm về tính cách hào hiệp, nghĩa khí của người Phương Nam.*** |
| |  | | --- | | C:\Users\DELL\Documents\Tím Xanh dương và Vàng Được minh họa Áp phích Toán kinh tế (7).png | | **C:\Users\DELL\Documents\Nhân vật Cò (9).png** | | **C:\Users\DELL\Documents\2.png** | |